

**CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH TÂM AN**

Địa chỉ: Số nhà 52 - Tổ 18 - Xã Xuân Trường - Tỉnh Ninh Bình

Điện thoại: 0228.628.8899

Email: congtytaman.xt@gmail.com

Mã số thuế: 060.118.2499

**BẢNG BÁO GIÁ NGHĨA HUNG  
Số 1 tháng 12/2025**

Nhóm hàng hóa	TT	TÊN MẶT HÀNG	Đơn vị tính	Giá kì 1/T1/2026	
<b>Đồ biển</b>	1	Cá thu cắt khúc( Bò đầu,vây)	Kg	180.000	
	2	Nôn tôm biển nhỏ	Kg	160.000	
	3	Ghẹ biển đã xé bỏ mai, yếm	Kg	62.000	
	4	Ngao biển	Kg	27.000	
	5	Tôm tươi( 50-60con/kg)	Kg	265.000	
	6	Tôm tươi loại 1( 30 con)	Kg	345.000	
	7	Lườn đồng	Kg	200.000	
	8	Tép đồng	Kg	160.000	
	9	Cua sông	Kg	150.000	
	10	cáy đồng sông	Kg	150.000	
	11	Cáy biển đã xé bỏ mai, yếm	Kg	110.000	
<b>Cá nước ngọt</b>	12	Cá trắm cỏ nguyên con	Kg	78.000	
	13	Cá trắm đen nguyên con	Kg	88.000	
	14	Cá trắm cỏ khúc	Kg	112.000	
	15	Cá trắm đen khúc	Kg	125.000	
<b>Thịt bò</b>	1	Thịt Bò	Kg	248.000	
<b>Thịt lợn nóng</b>	1	Nạc vai	Kg	135.000	
	2	Mông sấn	Kg	120.000	
	3	Mông sấn bò bì	Kg	125.000	
	4	Vai sấn	Kg	120.000	
	5	Mỡ lợn	Kg	70.000	
	6	Xương sườn ngon	Kg	120.000	
	7	Xương ống	kg	52.000	
	8	Tim lợn	Kg	250.000	
	9	Tim cật	Kg	150.000	
	10	Mọc	Kg	125.000	
	11	3 chỉ	Kg	135.000	
	12	3 chỉ bỏ da	Kg	140.000	
	13	Giò nạc	Kg	135.000	

Nhóm hàng hóa	TT	TÊN MẶT HÀNG	Đơn vị tính	Giá kì 1/T1/2026	
<b>Thịt gia cầm</b>	1	Thịt Gà đỏ( bỏ đầu chân)	Kg	140.000	
	2	Thịt Gà đỏ( bỏ đầu, cổ, chân)	Kg	150.000	
	3	Thịt ngan( bỏ đầu chân)	Kg	125.000	
	4	Thịt vịt( bỏ đầu, chân)	Kg	100.000	
	5	Đùi gà góc tư	Kg	105.000	
	6	Lườn gà trắng( còn xương)	Kg	83.000	
	7	Chim câu Pháp làm sạch	Con	88.000	
<b>Rau củ quả</b>	1	Cà chua ta	Kg	28.000	
	2	Cà rốt	Kg	18.000	
	3	Khoai tây	Kg	17.000	
	4	Bí đỏ già	Kg	22.000	
	5	Bí đỏ non( bánh tẻ)	Kg	19.000	
	6	Ngô ngọt	Kg	24.000	
	7	Đỗ cove	Kg	20.000	
	8	Bí xanh	Kg	27.000	
	9	Giá đỗ	Kg	15.000	
	10	Cải bắp ta	Kg	14.000	
	11	Cải Chíp	Kg	11.000	
	12	Cải ngọt	Kg	16.000	
	13	Cải ngồng	Kg	16.000	
	14	Cải canh	Kg	16.000	
	15	Su hào	Kg	17.000	
	16	Củ cải	Kg	10.000	
	17	Củ dền	Kg	28.000	
	18	Su su	Kg	18.000	
	19	Khoai lang	Kg	27.000	
	20	Hành tây	Kg	14.000	
	21	Mồng toi	Kg	19.000	
	22	Cải thảo ta	Kg	14.000	
	23	Thì là	Kg	37.000	
	24	Hành lá	Kg	37.000	
	25	Rau mùi tàu	Kg	37.000	
	26	Rau mùi thom	Kg	37.000	
	27	Quả Dứa	Kg	25.000	

Nhóm hàng hóa	TT	TÊN MẶT HÀNG	Đơn vị tính	Giá kì 1/T1/2026	
	28	Gừng tươi	Kg	36.000	
	30	củi dừa	Kg	95.000	
	31	Gấc chín	kg	21.000	
<b>Bún Phở tươi</b>	1	Bún tươi sạch, không chất bảo quản	Kg	14.000	
	2	Phở tươi	Kg	14.000	
	3	Bánh cuốn	Kg	25.000	
<b>Đậu phụ</b>	1	Đậu phụ	Kg	24.000	
<b>Hoa quả</b>	1	Cam sành	Kg	21.000	
	2	Cam ngọt	Kg	29.000	
	3	Cam canh	Kg	33.000	
	4	Chuối tiêu	Kg	22.000	
	5	Dưa hấu	Kg	26.000	
	6	Dưa vàng ta	Kg	34.000	
	7	Thanh long	Kg	31.000	
<b>Trứng</b>	1	Trứng vịt	Kg	66.000	
	2	Trứng gà ta	Kg	68.000	
	3	Trứng chim cút sống	Kg	65.000	
	4	Trứng chim cút luộc chín	Kg	68.000	
<b>Bánh mỳ</b>	1	Bánh mỳ đặc ruột( Ba Lan)(170g)	cái	6.500	
	2	Bánh mỳ bơ(40g)	cái	4.500	
	3	Bánh bao nhân đậu xanh(50g)	cái	4.500	
	4	Bánh bông lan(40g)	cái	4.500	
	5	Bánh mỳ đặc ruột( Ba Lan)(150g)	cái	6.000	
	6	Bánh mỳ bơ(30g)	cái	4.000	
	7	Bánh bao nhân đậu xanh(30g)	cái	4.000	
	8	Bánh bông lan(30g)	cái	4.000	
	1	Gạo bắc thơm mới	Kg	20.000	

<b>Nhóm hàng hóa</b>	<b>TT</b>	<b>TÊN MẶT HÀNG</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Giá kì 1/T1/2026</b>	
<b>Ngũ cốc, đồ khô</b>	2	Gạo bắc thơm cũ	Kg	18.000	
	2	Gạo dài thơm quê	Kg	17.000	
	3	Gạo tám thơm quê	Kg	22.000	
	4	Gạo nếp Cô Tiên	Kg	28.000	
	5	Gạo nếp nhung	Kg	32.000	
	6	Gạo nếp cái hoa vàng	Kg	30.000	
	7	Gạo nếp thâu rầu	Kg	33.000	
	8	Đỗ xanh đã xay và tách vỏ	Kg	52.000	
	9	Bột năng	Kg	29.000	
	10	Đỗ đen	Kg	64.000	
	11	Đỗ đỏ	Kg	52.000	
	12	Mộc nhĩ	Kg	130.000	
	13	Bột mì	Kg	23.000	
	14	Miến phở Hải Hậu	Kg	30.000	
	15	Bánh đa nem( 1 tệp 20 lá)	Tệp	7.000	
	16	Miến dong loại 1	Kg	70.000	
	17	Bún khô	Kg	30.000	
	21	Hạt sen	Kg	210.000	
	22	Bột sắn dây	Kg	170.000	
	23	Hành củ khô	Kg	50.000	
	24	Lạc đỏ hạt to	Kg	70.000	
	25	Vừng	Kg	88.000	
	26	Nước cốt dừa(400ml)	Lon	38.000	
	18	sữa ông thọ hộp giấy 1000ml	hộp	80.000	
	19	sữa ông thọ hộp giấy 380ml	hộp	32.000	
	27	Tỏi tàu	Kg	42.000	
	28	Tỏi ta(nhỏ)	Kg	75.000	
	29	Nấm hương	Kg	270.000	
	<b>Gia vị</b>	1	Đường trắng	Kg	27.000
2		Đường đỏ	Kg	27.000	
3		Nước mắm Lâm Bão	Lít	68.000	
4		Hạt nêm Neptune	Kg	52.000	
5		Bột canh Thiên Hương	Gói	3.800	
<b>Dầu ăn</b>	1	Dầu đậu nành Simply	Lít	57.000	1 gói=180g
	2	Dầu gạo lứt Simply	Lít	59.000	
	3	Dầu đậu nành Neptune	Lít	55.000	

<b>Nhóm hàng hóa</b>	<b>TT</b>	<b>TÊN MẶT HÀNG</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Giá kì 1/T1/2026</b>	
<b>Sữa</b>	1	Sữa bột Vinamilk	Kg	255.000	
	2	Sữa chua Vinamilk	Hộp	4.000	
	2	Sữa chua Vinamilk	Hộp	4.000	

**Ghi chú: Báo giá này có giá trị từ ngày 01/01/2026 đến khi có báo giá mới của công ty.  
Đơn giá trên đã bao gồm chi phí Thuế, vận chuyển.**

**Xuân Trường, ngày 30 tháng 12 năm 2025**

**Nguyễn Thị Hạnh**









